

4. Đánh giá chung về công tác triển khai: Đánh giá mức độ tham gia, sự phù hợp với điều kiện địa phương; việc bảo đảm an toàn, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, quyền liên quan và trung thực học thuật trong hoạt động có ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; việc thực hiện quy định về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và trách nhiệm của đơn vị, cá nhân tham gia tổ chức.

III. KẾT QUẢ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

TT	Nhóm hoạt động	Nội dung cần báo cáo	Kết quả thực hiện
1	Lễ khai mạc hoặc hoạt động phát động Tuần lễ	Số hoạt động; địa điểm; hình thức; số người tham dự; nội dung, sản phẩm hoặc hoạt động trải nghiệm tiêu biểu	
2	Hoạt động tại cơ sở giáo dục	Số hoạt động; số cơ sở; số người học, nhà giáo tham gia; hoạt động tự học, đọc sách, nghiên cứu, trải nghiệm, thực hành, dự án học tập; sản phẩm tiêu biểu	
3	Hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng	Số lớp, chuyên đề; số trung tâm; số người tham gia; nhóm được hỗ trợ; nội dung về kỹ năng số, dịch vụ công trực tuyến, an toàn trên môi trường mạng, ứng dụng công nghệ trong lao động, sản xuất và đời sống	
4	Hoạt động về năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm	Số lớp, chuyên đề; số người được hướng dẫn; số điểm hỗ trợ kỹ năng số và trí tuệ nhân tạo; số lượt người dân được tư vấn, hỗ trợ; hoạt động trải nghiệm về an toàn trên môi trường số; kết quả ứng dụng	
5	Bản đồ hoặc danh mục cơ hội học tập	Hình thức công bố; số địa chỉ, cơ hội học tập được cập nhật; tần suất cập nhật; phản hồi của người sử dụng	
6	Hoạt động tại thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa và thiết chế văn hóa - giáo dục	Số hoạt động; số lượt người tham gia; không gian đọc, không gian học tập số; học liệu, sản phẩm được đưa vào sử dụng	
7	Hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và hỗ trợ nhóm yếu thế	Số hoạt động; số cán bộ, người lao động được hỗ trợ; đào tạo lại, bồi dưỡng, cập nhật kỹ năng; địa bàn, đối tượng và số người thuộc nhóm yếu thế, nhóm ít có cơ hội tiếp cận công nghệ được hỗ trợ	
8	Hoạt động thông tin, tuyên truyền	Số tin, bài, phóng sự, sản phẩm truyền thông số; hình thức; lượt tiếp	

		cận (nếu có thống kê); câu chuyện, gương điển hình hoặc mô hình tiêu biểu	
--	--	---	--

IV. KẾT QUẢ ĐỊNH LƯỢNG

1. Quy ước thống kê

- Báo cáo theo số người, hạn chế trùng lặp. Trường hợp chưa loại trừ được trùng lặp, ghi theo lượt người và nêu rõ cách thống kê tại cột “Ghi chú”.

- “Người thụ hưởng trực tiếp” là người được hướng dẫn, hỗ trợ hoặc trực tiếp sử dụng sản phẩm, dịch vụ, học liệu của hoạt động Tuần lễ.

- Các chỉ tiêu thành phần không cộng dồn vào tổng số người tham gia hoặc số người thụ hưởng trực tiếp.

- Nếu một chỉ tiêu không phát sinh, ghi “0”; không để trống.

2. Bảng chỉ tiêu định lượng

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú/ cách thống kê
1	Số cơ sở giáo dục tham gia tổ chức hoạt động	Cơ sở		
2	Số trung tâm học tập cộng đồng tham gia	Trung tâm		
3	Số thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa và thiết chế văn hóa - giáo dục tham gia	Đơn vị		
4	Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức xã hội tham gia	Đơn vị		
5	Tổng số hoạt động đã tổ chức	Hoạt động		
6	Tổng số người tham gia	Người	Trường hợp báo cáo theo lượt người, ghi rõ	
7	Số người thụ hưởng trực tiếp	Người	Không cộng trùng khi tổng hợp	
8	Số lớp, chuyên đề về kỹ năng số, dịch vụ công trực tuyến và an toàn trên môi trường mạng	Lớp/chuyên đề	Số lớp, chuyên đề về kỹ năng số, dịch vụ công trực tuyến và an toàn trên môi trường mạng	
9	Số người được hướng dẫn nhận biết, sử dụng, kiểm chứng thông tin và sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách	Người	Chỉ tiêu thành phần, không cộng dồn	

	nhiệm			
10	Số điểm hỗ trợ kỹ năng số và trí tuệ nhân tạo được tổ chức	Điểm	Ghi rõ trực tiếp/trực tuyến/kết hợp	
11	Số lượt người dân được tư vấn, hướng dẫn hoặc hỗ trợ trực tiếp	Lượt	Một người có thể phát sinh nhiều lượt	
12	Số người thuộc nhóm yếu thế, nhóm ít có cơ hội tiếp cận công nghệ được hỗ trợ	Người	Ghi rõ người cao tuổi, người khuyết tật, người dân vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số	
13	Số địa chỉ, cơ hội học tập được cập nhật trên bản đồ hoặc danh mục cơ hội học tập	Địa chỉ		
14	Số học liệu, tài nguyên số, sản phẩm số và không gian học tập số được đưa vào sử dụng	Sản phẩm	Ghi rõ cơ cấu	Số học liệu, tài nguyên số, sản phẩm số và không gian học tập số được đưa vào sử dụng
15	Số mô hình, sáng kiến có khả năng duy trì, nhân rộng sau Tuần lễ	Mô hình/sáng kiến	Số mô hình, sáng kiến có khả năng duy trì, nhân rộng sau Tuần lễ	Mô hình/sáng kiến
16	Số tin, bài, phóng sự và sản phẩm truyền thông số đã đăng, phát	Sản phẩm		

V. SẢN PHẨM, MÔ HÌNH VÀ MINH CHỨNG

1. Danh mục sản phẩm, mô hình, học liệu hoặc giải pháp tiêu biểu Liệt kê tối đa 05 sản phẩm, mô hình hoặc giải pháp tiêu biểu, ưu tiên các sản phẩm, mô hình có tác động thực tế và khả năng duy trì, nhân rộng. Trường hợp không có, ghi rõ “Không có”.

TT	Tên sản phẩm/ mô hình/giải pháp	Đơn vị chủ trì	Địa bàn/ đối tượng thụ hưởng	Kết quả, tác động và khả năng nhân rộng	Đường dẫn/mã QR minh chứng
1					
2					
3					

2. Minh chứng

- Đường dẫn hoặc mã QR đến hình ảnh, video, tin bài, học liệu, sản phẩm

hoặc tài liệu minh chứng.

- Đường dẫn, mã QR phải còn khả năng truy cập; bảo đảm không công khai dữ liệu cá nhân không cần thiết, thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc nội dung vi phạm quy định về quyền tác giả, quyền liên quan.

3. Đánh giá khả năng duy trì, nhân rộng: Nêu ngắn gọn khả năng duy trì, nhân rộng và tác động thực tế của sản phẩm, mô hình tiêu biểu; đối với mô hình “Điểm hỗ trợ kỹ năng số và trí tuệ nhân tạo”, nêu rõ địa điểm, lực lượng hỗ trợ, phương thức tiếp nhận yêu cầu, quy trình bảo vệ dữ liệu và khả năng tổ chức định kỳ sau Tuần lễ.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

TT	Nguồn kinh phí	Dự toán (đồng, nếu có)	Kinh phí đã sử dụng (đồng)	Ghi chú
1	Ngân sách nhà nước được giao theo phân cấp			
2	Nguồn lồng ghép từ chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan			
3	Nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác			
	Tổng cộng			

Đánh giá việc quản lý, sử dụng kinh phí:

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả nổi bật:

2. Tác động, chuyển biến: Nêu cụ thể tác động đối với người học, nhà giáo, người lao động và Nhân dân về nhận thức, tinh thần tự học, năng lực số, khả năng tiếp cận học liệu, dịch vụ học tập và khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào học tập, công việc, lao động, sản xuất, kinh doanh hoặc đời sống; đánh giá mức độ phù hợp của hoạt động với nhu cầu đã xác định và phản hồi của người tham gia.

3. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân:

4. Bài học kinh nghiệm:

VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo:

2. Đối với các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan:

3. Về chủ đề, nội dung và hình thức tổ chức Tuần lễ năm tiếp theo:

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên và đóng dấu)

** Kèm theo File Hình ảnh minh chứng.*